

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓP CỘP
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2023/HS-ST

Ngày: 12-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓP CỘP, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Kiều - Bí thư Đoàn thanh niên xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp; ông Giàng Bả Lầu - Bí thư Đoàn thanh niên xã Sốp Cộp, huyện Sốp Cộp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Tông Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Giàng A Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2023, tại Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2023/TLST-HS ngày 23/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HS ngày 28/6/2023 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn B, mã số định danh cá nhân: 014096xxxxxx; sinh ngày 18/9/1996 tại huyện S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản H, xã V, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T và bà Tông Thị H; bị cáo có vợ là Mò Thị Đ và 02 con (con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2022); tiền án, tiền sự: Không có; về nhân thân: Ngày 28/7/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Sốp Cộp xử phạt 24 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản (theo Bản án số 37/2015/HSST); ngày 09/9/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xử phạt 12 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (theo Bản án số 106/2015/HSST); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2023 đến nay; có mặt.

2. Lương Văn P, mã số định danh cá nhân: 014203xxxxxx; sinh ngày 20/3/2006 tại huyện S, tỉnh Sơn La; đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 12 ngày; nơi thường trú: Bản C, xã L, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T và bà Lò Thị D (đã chết); bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không có; bị tạm giữ từ ngày 03/4/2023 đến ngày 11/4/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lương Văn P:* Ông Lương Văn T, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản C, xã L, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; là bố của bị cáo; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn P:* Ông Đặng Văn Quảng, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Vi Văn T, sinh năm 1975, nơi cư trú: Bản P1, xã V, huyện S, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Mai Văn D, sinh năm 1988, nơi cư trú: Bản H, xã S, huyện S, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

2. Ông Lương Văn T, sinh năm 1984, nơi cư trú: Bản C, xã L, huyện S, tỉnh Sơn La; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/3/2023, Lò Văn B và Lương Văn P quen biết nhau do cùng bị Cảnh sát giao thông Công an huyện Sốp Cộp lập biên bản vi phạm giao thông và tạm giữ phương tiện. Lo sợ gia đình mắng, chửi nên P và B cùng nhau lang thang tại trung tâm huyện Sốp Cộp đi ăn uống, chơi game, không dám về nhà. Khoảng 18 giờ ngày 01/4/2023, P rủ B đi bộ đến nhà bà nội của P là bà Tòng Thị S ở bản L, xã V, huyện S để vay tiền. Khi đến nhà bà S, P hỏi vay 200.000 đồng nhưng bà S nói không có tiền cho vay mà cho P số tiền 60.000 đồng. Sau khi ăn cơm ở nhà bà S, P rủ B đến nhà ông Vi Văn T là chú họ của P cũng ở bản L để mượn xe mô tô đi vào xã L tìm vay tiền. Lúc này B đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe để đem đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, nên đã nói với P mượn được xe thì đem đi cầm cố lấy tiền, P đồng ý.

Khi đến chỉ có con dâu ông T là chị Lò Thị T1 đang ở nhà. P nói với chị T1 “*chị cho em mượn xe khoảng 5 phút để em đưa anh bạn qua bản L rồi em quay lại trả*”. T1 nói không cho, không có xe. Khi đó, chiếc xe honda BKS 26F-019.18 của ông Vi Văn T đang dựng ở hiên nhà nên P và B tiếp tục nài nỉ mượn chiếc xe này. Biết P là họ hàng nên chị T1 đã đồng ý đưa chìa khóa xe mô tô cho P. Ngay sau khi mượn được xe, P điều khiển xe chở B đến Trung tâm huyện Sốp Cộp để tìm cửa hàng cầm cố. Khi đến cầu bản Nà Lốc, B bảo P dừng xe kiểm tra cốp xe xem có giấy tờ xe không. P mở cốp xe kiểm tra thấy có đăng ký xe mô tô mang tên Vi Văn T. P không có căn cước công dân nên bảo B đem xe đi cầm cố còn P chờ ở cầu. B điều khiển xe mô tô đến cửa hàng xe mô tô, xe máy MD tại bản H, xã S. Tại đây, B muốn cầm cố xe nhưng Mai Văn D không đồng ý mà chỉ thực hiện mua bán, thấy vậy B đồng ý bán xe, để lại Căn cước công dân và hẹn D giữ xe khoảng 01 tháng B sẽ mua lại, D chấp nhận. Thỏa thuận xong, D và B làm hợp đồng mua bán xe mô tô với giá 4.900.000 đồng. Sau khi nhận đủ tiền, B quay lại cầu bản Nà Lốc đón P và nói với P đã bán xe được 4.900.000 đồng. P nói B cầm tiền để chi tiêu chung. Cả hai đã dùng toàn bộ số tiền đó để đi hát Karaoke, ăn đêm và chơi game.

Đến khoảng 22 giờ ngày 01/4/2023, do không thấy P quay lại trả xe như đã hẹn trước đó nên chị T1 nghỉ ngơi và đi tìm kiếm quanh Trung tâm huyện Sốp Cộp nhưng không có kết quả. Ngày 02/4/2023 chị T1 đã trình báo sự việc đến Công an huyện Sốp Cộp. Ngày 03/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sốp Cộp đã tiến hành bắt người trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ hình sự đối với Lò Văn B, Lường Văn P. Ngày 11/4/2023, Lường Văn P được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Vật chứng thu giữ: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu đỏ - đen - bạc, BKS: 26F1-019.18, đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Vì Văn T và 01 Căn cước công dân mang tên Lò Văn B do Mai Văn D giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐG ngày 07/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sốp Cộp đã xác định: “01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu đỏ - đen - bạc, BKS: 26F1-019.18 tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 01/4/2023 có giá trị là 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn đồng)”.

Bản Cáo trạng số 29/CT-VKSSC ngày 22/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La, truy tố bị cáo Lò Văn B và bị cáo Lường Văn P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Mai Văn D đề nghị bị cáo Lò Văn B phải trả lại số tiền 4.900.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng. Ông Lường Văn T là người đại diện hợp pháp bị cáo Lường Văn P xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị hại ông Vì Văn T đề nghị được trả lại chiếc xe BKS: 26F1-019.18, không yêu cầu bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lò Văn B và Lường Văn P về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; xác định các bị cáo phạm tội trong trường hợp có đồng phạm, trong đó bị cáo B giữ vai trò chủ mưu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lò Văn B từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; 58 và Điều 100 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lường Văn P từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc hai bị cáo bồi thường liên đới bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan 4.900.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng và án phí: Trả lại cho người bị hại chiếc xe mô tô các bị cáo đã chiếm đoạt và miễn án phí sơ thẩm cho các bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Lường Văn P: Nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, ngoài ra đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo P: bị cáo là người dân tộc thiểu số, chưa thành niên, nhận thức pháp luật hạn chế, sinh sống ở

vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo P 9 tháng cải tạo không giam giữ.

Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo Lương Văn P nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Kiểm sát viên nhất trí với đề nghị áp dụng bổ sung tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 đối với bị cáo Lương Văn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Sốp Cộp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tố tụng, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên giai đoạn điều tra đã có lời khai và đơn yêu cầu bồi thường dân sự. Xét thấy việc vắng mặt không cản trở việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi của các bị cáo, tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Ngày 01/4/2023, sau khi bàn bạc, thống nhất, Lò Văn B và Lương Văn P đã cùng nhau đến nhà ông Vì Văn T trú tại bản L, xã V mượn chiếc xe mô tô BKS 26F-019.18 trị giá 6.500.000 đồng của ông T với mục đích cầm cố lấy tiền tiêu xài. Hai bị cáo đã nói dối là mượn xe để được giao tài sản. Sau khi nhận được tài sản, hai bị cáo đã đem đi cầm cố nhưng do chủ cửa hàng kinh doanh xe mô tô không nhận cầm cố nên B đã bán chiếc xe mô tô cho chủ cửa hàng và hẹn 1 tháng sau sẽ mua lại. Sau khi B cầm tiền về đưa cho P, P đã tiếp nhận ý chí của B về việc không cầm cố mà bán tài sản và giao tiền cho B giữ để chi tiêu chung. Lời khai của hai bị cáo là thống nhất trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, phù hợp với đơn trình báo, đơn đề nghị, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người chứng kiến, lời khai của những người làm chứng, Kết luận định giá tài sản. Các bị cáo đều đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sốp Cộp truy tố các bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Về vai trò của các bị cáo, ban đầu Lương Văn P định mượn xe của ông T để đi vào xã L vay tiền. Sau khi Lò Văn B nói với P về việc mượn xe đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, P đã đồng ý với đề nghị của B. Cả hai bị cáo đã cùng nhau bàn bạc,

thống nhất nói dối chị Lò Thị T1 để chị T1 tin tưởng giao xe. Sau đó, hai bị cáo đã cùng nhau đi bán xe và sử dụng chung toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Như vậy, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, B là người khởi xướng, rủ rê P nên giữ vai trò lớn hơn P, mặt khác bị cáo P là người chưa thành niên, vì vậy B phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự cao hơn so với P.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Ngày 30/3/2023, hai bị cáo bị lực lượng cảnh sát giao thông Công an huyện Sốp Cộp phát hiện vi phạm giao thông và tạm giữ phương tiện. Tuy nhiên, trước khi thực hiện hành vi phạm tội hai bị cáo chưa bị xử phạt vi phạm hành chính nên không bị coi là có tiền sự.

[5.2] Bị cáo Lò Văn B là người dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn. Mặc dù bị cáo được xác định là không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử 2 lần về hành vi chiếm đoạt tài sản với mức hình phạt tổng hợp là 36 tháng tù. Bị cáo có hành vi lôi kéo, xúi giục bị cáo P phạm tội, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*”. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội và ăn năn hối cải về hành vi của mình, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.3] Bị cáo Lương Văn P là người dân tộc thiểu số sinh sống ở địa bàn đặc biệt khó khăn; bị cáo không có tiền án, tiền sự; mẹ bị cáo đã mất năm 2022 nên bị cáo đang sinh sống với bố và em trai; gia đình là hộ nghèo; bị cáo mới học đến lớp 9 và đã bỏ học từ năm 2021; khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo mới 17 tuổi 12 ngày. Như vậy, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong tình trạng thể chất và tinh thần chưa hoàn thiện, điều kiện sinh sống và giáo dục, nhận thức và hiểu biết xã hội còn nhiều hạn chế. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội và ăn năn hối cải về hành vi của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s và điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5.4] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bị hại ông Vì Văn T có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo, vai trò của các bị cáo, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo Lò Văn B ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo Lương Văn P là người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đảm bảo để cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên và người bào chữa tại phiên tòa về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thể hiện: các bị cáo đều có nghề nghiệp đều là trồng trọt, phụ giúp gia đình, chưa có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng. Bị cáo P là người dưới 18 tuổi. Do vậy, đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[8.1] Ngày 21/4/2023, ông Vì Văn T có đơn xin lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường, tại phiên tòa ông T giữ nguyên ý kiến. Xét thấy chiếc xe mô tô các bị cáo chiếm đoạt là tài sản hợp pháp của ông T và việc ông T không yêu cầu bồi thường là tự nguyện nên cần chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và ông T về việc trả lại tài sản kèm theo giấy tờ đăng ký cho ông T và không buộc các bị cáo phải bồi thường cho ông T.

[8.2] Đối với căn cước công dân thu giữ của bị cáo Lò Văn B, đây là giấy tờ tùy thân của bị cáo, thể hiện thông tin cơ bản về lai lịch, nhân dạng của công dân, không phải là công cụ, phương tiện phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

[8.3] Ông Mai Văn D là chủ cửa hàng chuyên buôn bán mô tô, xe máy. Việc ông D mua bán xe mô tô với Lò Văn B là giao dịch dân sự. Ông D không biết chiếc xe mô tô bị cáo B bán là tài sản do phạm tội mà có nên hành vi của ông D không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Ngày 21/5/2023, ông Mai Văn D có đơn trình báo và yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 4.900.000 đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy B và P cùng gây thiệt hại, cùng sử dụng số tiền do phạm tội mà có nên các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông D tương ứng với mức độ lỗi của mỗi người theo quy định tại Điều 587 Bộ luật Dân sự. Xét vai trò của các bị cáo như tại đoạn [3] nêu trên, Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm bồi thường của hai bị cáo theo mức độ lỗi như sau: Bị cáo Lò Văn B phải bồi thường 70% thiệt hại, bị cáo Lương Văn P 30% thiệt hại. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự, bị cáo P là người từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi thiệt hại thì phải bồi thường bằng tài sản của mình, nếu không đủ tài sản để bồi thường thì cha, mẹ phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của mình. Ông Lương Văn T là bố của bị cáo Lương Văn P, ông T có nghĩa vụ bồi thường nên được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Kiến nghị: Do hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ ngày 30/3/2023 đối bị cáo Lương Văn P chưa bị xử lý nên Hội đồng xét xử kiến nghị Công an huyện Sốp Cộp tiếp tục xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Lò Văn B phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xử phạt bị cáo Lò Văn B 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/4/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lò Văn B.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17; 36; 58; 90; 91; 98 và Điều 100 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Lương Văn P phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xử phạt bị cáo Lương Văn P 9 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 03/4/2023 đến ngày 11/4/2023, còn phải chấp hành là 8 tháng 3 ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Sơn La, nhận được quyết định thi hành hình án và bản án. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Giao bị cáo Lương Văn P cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện S, tỉnh Sơn La để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã L trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586; 587; 589 Bộ luật Dân sự: Bị cáo Lò Văn B phải bồi thường cho ông Mai Văn D 3.430.000 đồng (ba triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng). Bị cáo Lương Văn P phải bồi thường cho ông Mai Văn D 1.470.000 đồng (một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng). Nếu bị cáo P không đủ tài sản để bồi thường thì ông Lương Văn T phải bồi thường phần còn thiếu bằng tài sản của ông T. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho ông Vì Văn T 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE RSX màu đỏ đen bạc, biển kiểm soát 26F1-019.18, số khung 310500, số máy 6246650, yếm xe bên trái bị vỡ mất 01 mảnh khoảng 27 cm, xe đã cũ qua sử dụng; 01 (một) Đăng ký mô tô, xe máy số 012272, tên chủ xe Vì Văn T do Công an huyện S cấp ngày 17/01/2012.

- Trả lại cho bị cáo Lò Văn B 01 (một) Căn cước Công dân số 014096006612 tên Lò Văn B do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021.

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn B và Lường Văn P.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 12/7/2023*). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Sốp Cộp;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cơ quan THAHS CA huyện Sốp Cộp;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Sốp Cộp;
- Các bị cáo; bị hại; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa; Người có QLNV liên quan; UBND xã L;
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nam